TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
Tỉnh Bến Tre
Bản án số: **109**/2018/DS-ST
Ngày: 23/5/2018
V/v tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Miêng
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2018/TLST-DS ngày 26/01/2018 về tranh chấp"*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 760/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2018/QĐST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2018 và Thông báo dời lịch xét xử số: 1033/TB-TA ngày 11 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị N, sinh năm 1969. (Có mặt)
Nơi cư trú: Số 21/5, ấp TB, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Huỳnh Thái C, sinh năm 1958. (Vắng mặt)
Trịnh Thị H, sinh năm 1962. (Vắng mặt)
Cùng nơi cư trú: Số 89/2, ấp TB, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 26/01/2018; đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Vào ngày 07/3/2016 bà có cho vợ chồng ông Huỳnh Thái C và bà Trịnh Thị H vay số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng để trả Ngân hàng.

Đến ngày 11/3/2016 ông C, bà H có trả được cho bà 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng, còn lại 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng hứa 01 tuần sau trả (tức là ngày 18/3/2016) nhưng đến nay cũng không trả mặc dù nhiều lần bà đã đến nhà yêu cầu.

Do ông C, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà yêu cầu trả nợ gốc và lãi suất do hai bên thỏa thuận là 1,66%/tháng tính từ ngày 18/3/2016 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Tại phiên tòa bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Huỳnh Thái C, bà Trịnh Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà tiền gốc là 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng. Tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng, tính từ ngày 18 tháng 3 năm 2016 đến ngày xét xử 23 tháng 5 năm 2018 là 26 tháng 5 ngày, mức lãi 1,66%/tháng. Với số tiền lãi là: 21.718.000 đồng. Như vậy tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi mà ông C, bà H phải trả cho bà là: 71.718.000 (Bảy mươi mốt triệu, bảy trăm mười tám nghìn) đồng.

Chứng cứ bà cung cấp cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của bà là 01 Bản chính biên nhận nợ có chữ ký của ông Huỳnh Thái C. Ngoài ra bà không cung cấp chứng cứ gì thêm.

Tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Thái C và bà Trịnh Thị H vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 26/01/2018 và trong quá trình tố tụng ông Huỳnh Thái C trình bày:

Ông C thừa nhận ông và bà Trịnh Thị H (vợ ông) còn nợ của bà Nguyễn Thị N số tiền gốc 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng, có ký vào biên nhận nhưng đến nay chưa trả cho bà N.

Còn về việc bà N yêu cầu tính lãi suất của số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng từ ngày 18/3/2016 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án, mức lãi 1,66%/tháng, ông C cho là hợp lý đúng quy định của pháp luật nên ông và bà H đồng ý trả, nhưng khi nào vay được tiền của Ngân hàng mới có trả tiền gốc và tiền lãi cho bà N. Ông C thừa nhận số tiền vay đã sử dụng vào mục đích chung cho gia đình ông và bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Nguyễn Thị N tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Huỳnh Thái C, bà Trịnh Thị H theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Huỳnh Thái C và bà Trịnh Thị H đã được Tòa án nhân dân huyện P triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C, bà H là đúng theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn Nguyễn Thị N với bị đơn ông Huỳnh Thái C, bà Trịnh Thị H được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành

vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Huỳnh Thái C đã thừa nhận ông C và bà Trịnh Thị H còn nợ của bà Nguyễn Thị N số tiền gốc 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng và tiền lãi chậm trả nhưng ông C cho rằng chưa có khả năng trả tiền gốc và tiền lãi.

Do ông C, bà H đã vi phạm thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng nên bà N yêu cầu tính lãi suất chậm trả với số tiền là 21.718.000 đồng và được ông C đồng ý trả, xét thấy đây là việc tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình (do ông C, bà H sử dụng tiền vay vào mục đích chung cho gia đình) nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Huỳnh Thái C, bà Trịnh Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền là 71.718.000 (Bảy mươi mốt triệu, bảy trăm mươi tám nghìn) đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị N được Tòa án chấp nhận nên ông Huỳnh Thái C, bà Trịnh Thị H phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền án phí ông C, bà H phải liên đới nộp (71.718.000 đồng x 5%) là: 3.585.900 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, các Điều 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N. Buộc ông Huỳnh Thái C, bà Trịnh Thị H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 71.718.000 đồng (Bảy mươi mốt triệu, bảy trăm mười tám nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Huỳnh Thái C, bà Trịnh Thị H có nghĩa vụ liên đới nộp: 3.585.900 (Ba triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn, chín trăm) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Bà Nguyễn Thị N được Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.718.000 (Một triệu, bảy trăm mười tám nghìn) đồng theo biên lai thu số 0014260, ngày 26 tháng 01 năm 2018.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án, đối với các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết

Nơi nhận:
- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).